

Số: 03/2023/QĐST-DS

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết án phí số 326/2016/UBTVQH14
ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,
giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc các
đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự
thụ lý số: 40/2023/TLST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành
về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các
đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là A)
Địa chỉ: Số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T – Chức vụ: Giám đốc xử lý
nợ (theo giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022).
Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trường S – Nhân viên xử lý nợ
(theo giấy ủy quyền số 08/UQ-QLN.23 ngày 30/3/2023).
 - Bị đơn:
 - + Ông Lê Quang T1, sinh năm 1971
Nơi thường trú: tổ A, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.
 - + Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977;
Nơi thường trú: tổ B, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.
 - Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Quang T1 (theo giấy ủy quyền
ngày 29/5/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số CAP.CN.19953.290119 ngày 30/01/2019 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN 30/01/2019; hợp đồng sửa đổi bổ sung số CAP.CN.19953.290119/SĐ,BS-01 ngày 04/9/2020; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, thẻ tín dụng 970416*****9127 ngày 06/12/2018 giữa **A** và ông **Lê Quang T1** và bà **Vũ Thị H**.

Về nghĩa vụ trả nợ: ông **Lê Quang T1** và bà **Vũ Thị H** có trách nhiệm trả số tiền đã vay cho **A** theo hợp đồng tín dụng số CAP.CN.19953.290119 ngày 30/01/2019 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN 30/01/2019; hợp đồng sửa đổi bổ sung số CAP.CN.19953.290119/SĐ,BS-01 ngày 04/9/2020; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, thẻ tín dụng 970416*****9127 ngày 06/12/2018, tạm tính đến ngày 13/07/2023 là: 733.879.452 đồng (bảy trăm ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng). Trong đó, gồm: nợ gốc là 670.139.340 đồng, lãi trong hạn là 22.394.315 đồng, lãi quá hạn là 41.345.797 đồng.

Về thời hạn thanh toán: chậm nhất là vào ngày 31/10/2023, ông **Lê Quang T1** và bà **Vũ Thị H** phải thanh toán cho **A** toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 13/7/2023 (ngày các đương sự thỏa thuận), ông **Lê Quang T1** và bà **Vũ Thị H** còn tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với nhau có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông **Lê Quang T1** và bà **Vũ Thị H** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **A** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CAP.BĐCN.353.151117 ngày 16/11/2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 23, diện tích 161,4m², tại địa chỉ **tổ B, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 728022, số vào sổ cấp GCN CH000301 do **UBND thành phố C**, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/2017).

Trường hợp tài sản phát mại không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, thì ông **T1** và bà **H** tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Về chi phí tố tụng: ông **Lê Quang T1**, bà **Vũ Thị H** tự nguyện thanh toán cho **A** toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về án phí: ông **Lê Quang T1** và bà **Vũ Thị H** tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 16.677.589 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Trả lại cho **A** số tiền tạm ứng án phí 15.882.000đ (mười lăm triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: 0005311 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Thành